

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày: 15-01-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Thọ

2. Ông Mai Quế Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2020/TLST – DS ngày 07 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 và giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. *Có mặt*

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị KL, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Khu phố Ninh Phước, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. *Có mặt*

3. *Người làm chứng:* Bà Trần Thị Phụng, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 8 năm 20120, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày:

Khoảng tháng 5/2018, do có sự quen biết và chơi chung với nhau, bà Nguyễn Thị L có cho bà Nguyễn Thị KL mượn 01 chiếc lắc, 01 chiếc nhẫn nữ trang bằng bạch kim có trọng lượng là 35 gam, số nữ trang trên bà L mua tại

tiệm vàng Hoàng Trọng có trị giá khoảng 30.000.000 đồng. Khi cho bà KL mượn thì hai bên không viết giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Bà KL nói mượn để đeo đi đám cưới. Tại thời điểm cho mượn thì có bà Trần Thị Phượng, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 2, khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước chứng kiến và biết sự việc bà L cho bà KL mượn số nữ trang trên. Khoảng nửa tháng sau bà L không thấy bà KL đeo nữa thì có đòi lại nhưng bà KL nói đã cầm cố, sau này bà KL lại nói là đã bán số nữ trang mà bà L đã cho mượn, bà KL hẹn khi nào chồng về đi làm sẽ kiếm tiền trả cho bà L, bà L đã đòi nhiều lần nhưng bà KL không trả. Nay bà L yêu cầu Tòa án buộc bà KL phải trả lại cho bà L số tiền 30.000.000 đồng tương đương với 01 chiếc lắc và 01 nhẫn nữ trang bằng bạch kim.

Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không sửa đổi, bổ sung yêu cầu gì thêm.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn – bà Nguyễn Thị KL trình bày:* Tôi không thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị L, tôi mượn không vay mượn nữ trang của bà L. Tôi chỉ biết bà P và gặp bà P một vài lần qua bà L vì giữa bà KL và bà L có chơi hụi chung với nhau. Bà KL không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.

- *Người làm chứng bà Trần Thị P trình bày:* Khoảng tháng 5 hay tháng 6/2018, vào buổi trưa bà P có lên nhà của bà Nguyễn Thị L ăn cơm, tại nhà bà L thì bà P gặp bà KL đến chơi và cùng nhau ăn cơm trưa tại nhà bà L. Ăn cơm xong thì cả 3 người vào phòng của bà L nằm chơi, bà L lấy trang sức của mình ra đeo, thì bà KL có lấy chiếc lắc và 01 chiếc nhẫn đeo thử vào tay, loại nữ trang bằng bạch kim vì bà P cho rằng nhìn vào số nữ trang trên là biết bằng bạch kim. Thấy vừa tay nên bà KL hỏi mượn bà L chiếc lắc và 01 chiếc nhẫn trên được bà L đồng ý. Bà P chứng kiến việc bà L giao lắc và nhẫn cho bà KL. Sau đó bà P chở bà KL về nhà. Còn việc sau này bà KL có trả lại số nữ trang trên cho bà L hay không thì bà P không biết.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Do lời khai của nguyên đơn tại cơ quan công an huyện Lộc Ninh, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa không thống nhất với nhau. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp không đầy đủ, chưa rõ ràng nên không đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp hợp đồng mượn tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú và làm việc tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị KL phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 30.000.000 đồng tương đương với 01 chiếc lắc và 01 nhẫn nữ trang bằng bạch kim:

Căn cứ các lời trình bày của nguyên đơn, người làm chứng, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Khoảng tháng 5/2018, bà Nguyễn Thị L có cho bị đơn bà Nguyễn Thị KL mượn 01 chiếc lắc, 01 chiếc nhẫn nữ trang bằng bạch kim có trọng lượng là 35 gam, số nữ trang trên bà L mua tại tiệm vàng Hoàng Trọng có trị giá khoảng 30.000.000 đồng. Khi cho bà KL mượn thì hai bên không viết giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Tại thời điểm cho mượn thì có bà Trần Thị Phụng, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 2, khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước chứng kiến. Tuy nhiên suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh được việc có cho bị đơn mượn 01 chiếc lắc, 01 chiếc nhẫn nữ trang bằng bạch kim. Việc bà P là người chứng kiến sự việc bà L giao lắc và nhẫn cho bà KL, bà P khẳng định loại nữ trang trên bằng bạch kim do nhìn vào là biết bằng bạch kim, bà P cũng từng mượn bà L đeo thử nên bà P khẳng định số nữ trang trên là bằng bạch kim là không có căn cứ vì bà P không phải là cơ quan chuyên môn để xác định là loại nữ trang gì. Mặt khác nguyên đơn trình bày số nữ trang trên mua tại tiệm vàng Hoàng Trọng với giá 30.000.000 đồng và tổng trọng lượng là 35 gam nhưng hóa đơn mua nữ trang tại tiệm vàng Hoàng Trọng mà bà L cung cấp cho Tòa án chỉ ghi giá tiền là 27.900.000 đồng và trọng lượng là 31 gam. Tại cơ quan công an huyện Lộc Ninh nguyên đơn khai không thống nhất về số tiền mua nữ trang, tại biên bản ghi lời khai tại cơ quan công an huyện Lộc Ninh (Bút lục 22 và bút lục 24) thì nguyên đơn khai tổng trọng lượng nhẫn và lắc là 35 gam mua tại tiệm vàng Hoàng Trọng với giá 38.000.000 đồng. Tại biên bản ghi lời khai (Bút lục 20) thì nguyên đơn lại khai mua với giá 30.000.000 đồng. Đồng thời không thống nhất các lời khai khi mua có hóa đơn hay không có hóa đơn. Ngày 11/12/2020, bà L cung cấp hóa đơn mua nữ trang tại Doanh Nghiệp tư nhân Hoàng Trọng. Tại giấy mua bán của Doanh Nghiệp tư nhân Hoàng Trọng (Bút

lục 49) thể hiện việc có bán 01 lăc và 01 nhăc có tổng trọng lượng 31 gam có giá tiền là 27.900.000 đồng, tuy nhiên giấy mua bán không có chữ ký của người bán, ngoài ra nguyên đơn không còn tài liệu nào khác chứng minh việc bị đơn có mượn trang sức của nguyên đơn và không có căn cứ xác định số trang sức là kiểu loại gì, không xác định được giá trị tài sản. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí là 1.500.000 đ (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*)

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 494, Điều 496 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị KL trả lại số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), tương đương với 01chiếc lăc và 01 chiếc nhăc.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.500.000 đ (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng số 0001281 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh. Sau khi khấu trừ, bà L còn phải nộp số tiền 750.000 đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

